

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH SƠN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2021/HNGĐ – ST

Ngày 24/5/2021

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Toại;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Tấn Ba và ông Bùi Quốc Thìn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Duy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Khôi – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 87/2020/TLST – HNGĐ, ngày 28/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2021/QĐST – HNGĐ, ngày 13 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1983, có mặt;

Nơi cư trú: xóm N, thôn T, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Chỗ ở hiện nay: thôn A, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị đơn: Anh Phạm Quang T, sinh năm 1977; vắng mặt không có lý do.

Nơi cư trú: xóm N, thôn T, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/11/2020 và quá trình tố tụng, nguyên đơn Chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và Anh Phạm Quang T có tự nguyện tìm hiểu trước khi kết hôn, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã B vào ngày 12/7/2004. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, khoảng 4 năm trở lại đây anh T hay cờ bạc, trai gái, rượu chè và nhiều lần đánh đập chị nên phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài. Mặc dù, chị đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh T vẫn chứng nào tật nấy không thay đổi mà còn lãng nhục, xúc phạm chị. Vào khoảng tháng 7 năm 2020 do vợ chồng mâu thuẫn nên chị có gửi đơn yêu cầu ly hôn đến Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn. Quá trình giải quyết, Tòa án hòa

giải động viên đoàn tụ nên chị đã rút đơn ly hôn nên Tòa án đã ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số: 34/2020/QĐST-HNGĐ ngày 12/8/2020. Từ ngày rút đơn đoàn tụ đến nay, anh T không chịu thay đổi mà ngày càng quá đáng hơn, từ ngày 01/02/2021 (âm lịch) đến nay chị đã về nhà cha, mẹ để sinh sống tại thôn A, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Xét thấy, mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn Anh Phạm Quang T.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung gồm: Phạm Thị Quỳnh N, sinh ngày 14/9/2004 hiện đang sống với chị; Phạm Quang K, sinh ngày 15/01/2007 và Phạm Thị Quỳnh C, sinh ngày 25/5/2016, hiện đang sống với anh T. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là: Phạm Thị Quỳnh C và Phạm Thị Quỳnh N; giao Phạm Quang K cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu.

Về công việc và thu nhập: Chị hiện làm công nhân tưới nước cây xanh ở khu Công nghiệp Vsip Quảng Ngãi, thu nhập mỗi tháng khoảng 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có nghĩa vụ chung về tài sản nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 26/4/2021 và quá trình tố tụng, bị đơn Anh Phạm Quang T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về quá trình tìm hiểu, tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn như chị H trình bày trên là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không được hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và lớn tiếng với nhau, những lần như vậy chị H thường bỏ nhà đi cũng như yêu cầu UBND xã, Công an xã giải quyết. Vào khoảng tháng 7 năm 2020 do vợ chồng mâu thuẫn nên chị H có gửi đơn yêu cầu ly hôn nhưng sau đó rút đơn và Tòa án đình chỉ giải quyết như chị H trình bày là đúng. Việc chị H cho rằng anh đánh đập chị nhiều lần là không đúng, anh xác định thỉnh thoảng có uống rượu, về nhà vợ chồng có cãi nhau và anh có hù dọa và đuổi chị H đi chứ không đánh. Anh T thừa nhận, vào ngày 05/4/2021 anh có đánh 02 bạt tai con chung là cháu Phạm Thị Quỳnh N, do anh bức tức việc con không chịu học hành mà bỏ bịch trai gái dạy dỗ không nghe lời, việc đánh con như là không đúng nhưng do quá bức tức không kiềm chế được. Chị H đã bỏ nhà về nhà cha mẹ để sống từ ngày 02/02/2021 (âm lịch) cho đến nay.

Nay anh thấy cuộc sống vợ chồng rất mệt mỏi, đã nhiều lần đến nhà cha, mẹ chị H động viên về đoàn tụ sống chung nhưng chị H không quay về sống chung, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 3 con chung như chị H trình bày trên là đúng. Hiện nay, cháu N đang sống cùng chị H; cháu K và C đang sống cùng với anh.

Khi ly hôn, anh T yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Quang K và Phạm Thị Quỳnh C; Giao cháu Phạm Thị Quỳnh

N cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về công việc và thu nhập: Trước đây làm nghề mua bò, nay chuyển sang làm nghề chở bò (chở xe ba gác), thu nhập hàng tháng khoảng 12.000.000đồng.

Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản: Anh T xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có nghĩa vụ chung về tài sản nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng theo quy định tại Điều 28, 68, 195, 196, 207, 208, 209, 210, 211 và Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Bị đơn Anh Phạm Quang T không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên đề nghị tiến hành giải quyết vắng mặt anh T.

Về nội dung vụ án: căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Các Điều 28, 35, 39, 147, 189, 203, 220, 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của Nguyễn Thị H được ly hôn anh Lê Thành T.

Về con chung: Giao cháu Phạm Thị Quỳnh N, sinh ngày 14/9/2004 và Phạm Thị Quỳnh C, sinh ngày 25/5/2016 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Giao cháu Phạm Quang K, sinh ngày 15/01/2007 cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị H và anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản: Không có, không đặt ra giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Bị đơn Anh Phạm Quang T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa Chị Nguyễn Thị H và Anh Phạm Quang T có đăng ký kết hôn là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh, chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, lớn tiếng với nhau, anh T hay uống rượu gây gổ, có hành vi bạo lực gia đình với chị H và con cái (cháu N). Anh, chị không còn sống chung với nhau từ tháng 02/2021 đến nay. Trong quá trình Tòa án giải quyết, Tòa án đã hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị H và anh T đều thuận tình ly hôn. Xét thấy tình trạng hôn nhân của chị H và anh T mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cho Chị Nguyễn Thị H được ly hôn Anh Phạm Quang T.

[2.2] *Về nuôi con chung*: Chị H và anh T có 03 con chung gồm: Phạm Thị Quỳnh N, sinh ngày 14/9/2004, đang sống với chị H; Phạm Quang K, sinh ngày 15/01/2007 và Phạm Thị Quỳnh C, sinh ngày 25/5/2016, đang sống với anh T.

Trong quá trình giải quyết vụ án, giữa chị H và anh T đều thống nhất giao cháu Phạm Thị Quỳnh N cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu Phạm Quang K cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Việc thỏa thuận nuôi con nêu trên giữa anh, chị là không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Riêng cháu Phạm Thị Quỳnh C thì anh, chị không thỏa thuận được việc nuôi con và có tranh chấp việc trực tiếp nuôi dưỡng cháu C. Xét thấy cháu Phạm Thị Quỳnh C còn nhỏ (5 tuổi), giới tính nữ, chị H có công việc và thu nhập ổn định hơn, anh T từng nhiều lần có hành vi bạo lực gia đình nên có thể ảnh hưởng đến tâm lý trẻ em, nhất là trẻ em dưới 06 tuổi chưa phát triển hoàn thiện về thể chất lẫn tinh thần; việc giao trẻ em dưới 06 tuổi cho người mẹ trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn là phù hợp điều kiện của hai bên. Áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử cần giao cháu Phạm Thị Quỳnh C cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nhằm đảm bảo cho sự phát triển lành mạnh, bình thường của cháu C.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H và anh T đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] *Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản*: Chị H và anh T đều xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có nghĩa vụ tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng, nhưng chị được khấu trừ xong tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[2.5] Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 235; Điều 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Các Điều 19, Điều 21, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điều 24, điểm a khoản 5 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử:

2.1. **Về quan hệ hôn nhân:** Cho Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với Anh Phạm Quang T.

2.2. Về nuôi con chung:

2.2.1. Giao cháu Phạm Thị Quỳnh N, sinh ngày 14/9/2004 và Phạm Thị Quỳnh C, sinh ngày 25/5/2016 cho Chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Cháu N đang sống cùng chị H; cháu C đang sống cùng anh T.

Anh Phạm Quang T có nghĩa vụ giao lại cháu Phạm Thị Quỳnh C cho Chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sau khi ly hôn.

2.2.2. Giao cháu Phạm Quang K, sinh ngày 15/01/2007 cho Anh Phạm Quang T trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

2.2.3. **Về cấp dưỡng nuôi con:** Chị Nguyễn Thị H và Anh Phạm Quang T đều không yêu cầu nên không giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom con chung. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết một trong hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được áp dụng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và các quy định khác của pháp luật liên quan.

2.2.4. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2.3. Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản: Không có, không giải quyết.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*), nhưng được khấu trừ xong tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2018/0003531, ngày 22/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

2.5. Về quyền kháng cáo:

Chị Nguyễn Thị H có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (24/5/2021).

Anh Phạm Quang T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Bình Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bình Sơn;
- UBND xã Bình Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Quang Toại